

CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU LAO ĐỘNG NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN VIỆT NAM

Nguyễn Mạnh Hải *
Trần Toàn Thắng **

1. Các điều kiện khách quan và chủ quan tác động đến quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn

Quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn có tác động từ cả hai loại yếu tố: khách quan và chủ quan. Về mặt khách quan, môi trường kinh tế xã hội thuận lợi cho quá trình chuyển dịch từ nông nghiệp sang các ngành nghề phi nông nghiệp khác là điều kiện cực kỳ quan trọng. Dù người lao động có trình độ và kỹ năng đến đâu, nhưng các điều kiện kinh tế xã hội của các địa phương không thuận lợi thì người lao động cũng không thể có chỗ để phát huy trình độ và kỹ năng của mình. Mặt khác, việc thu hẹp đất canh tác trong quá trình công nghiệp hoá và đô thị hoá trong những thập kỷ gần đây ở Việt Nam làm cho khả năng khách quan tồn tại trong khu vực nông nghiệp cũng giảm đi đáng kể. Quy mô dân số hiện nay của Việt Nam cũng khá lớn và với lớp dân số trẻ chiếm một tỷ lệ khá cao, đặc biệt là ở vùng nông thôn cũng tạo nên một sức ép lớn cho vấn đề việc làm ở đây. Sức ép này cũng có thể coi là một điều kiện khách quan về mặt xã hội bất lợi cho quá trình chuyển dịch lao động nông thôn.

Bên cạnh các quá trình khách quan trên, các điều kiện về chủ quan người lao động cũng là những yếu tố quan trọng tác động đến quá trình này. Từng cá nhân người lao động ở nông thôn có khả năng chuyển dịch lao động cao thì kéo theo “cơ cấu” lao động nói chung biến đổi theo. Những yếu tố chủ quan thuộc về cá nhân người lao động như

trình độ văn hoá, thể lực, kỹ năng và cả ý thức kỷ luật (tác phong công nghiệp), ý chí vươn lên của bản thân người lao động cũng rất quan trọng. Với cùng một điều kiện khách quan như nhau nhưng người lao động ở các vùng có thể có khả năng chuyển dịch lao động rất khác nhau. Ở một số vùng, nữ giới có thể ít khả năng chủ động trong việc tìm kiếm việc làm phi nông nghiệp hơn nam giới v.v... Khả năng thuộc về “chủ quan” người lao động nắm bắt cơ hội và quyết đoán trong chuyển đổi ngành nghề cũng không kém phần quan trọng. Những điều kiện chủ quan khác nhau của người lao động rõ ràng cũng tạo nên khả năng chuyển dịch lao động khác nhau trong vùng một điều kiện, hoàn cảnh khách quan như nhau.

2. Phân tích định lượng các yếu tố tác động đến chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn

2.1. Mô hình lý thuyết hộ nông nghiệp đối với hoạt động phi nông nghiệp áp dụng trong phân tích

Trong bài viết này, với giả thiết hộ nông dân ra quyết định có tính hợp lý (rational), tổng quỹ thời gian của hộ nông dân được phân chia để tối đa hoá độ thoả dụng của hộ và điều đó được thể hiện ở mô hình hộ nông dân. Thời gian đó có thể được sử dụng cho

* Nguyễn Mạnh Hải, Tiến sỹ kinh tế, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương.

** Trần Toàn Thắng, nghiên cứu viên, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương.

hoạt động sản xuất hoặc nghỉ ngơi. Mô hình kinh tế hộ được ước lượng ở đây dựa trên mô hình của Lopez (1986). Trong mô hình này, Lopez đã đưa ra khung phân tích sâu hơn về quan hệ nông nghiệp và phi nông nghiệp. Các ràng buộc chính về thời gian, về tiêu dùng được thể hiện là các ràng buộc chính và quyết định của hộ nông dân được phân tích thông qua hành vi tối đa hoá độ thoả dụng của họ. Mô hình có thể được mô tả tóm lược như sau:

Hộ nông dân tối đa hoá độ thoả dụng dựa trên hàm số:

$$\text{Max } U(T_h, C_h; Z_h) \tag{1}$$

$$T_f, T_h, T_n, C$$

Giới hạn bởi:

$$\text{Tổng thời gian: } T = T_f + T_h + T_n \tag{2}$$

$$\text{Tiêu dùng: } C = g(T_f, p, Z_f) + w_n T_n + V \tag{3}$$

$$\text{Không âm: } T_n \geq 0 \tag{4}$$

Trong đó:

T_h	=	Thời gian ở nhà (nghỉ ngơi, việc nhà....)
C_h	=	Tiêu dùng
Z_h	=	Các đặc điểm cá nhân
T	=	Tổng thời gian
T_f	=	Thời gian làm việc nông nghiệp
T_n	=	Thời gian làm việc phi nông nghiệp
P	=	Giá của đầu vào và đầu ra, không bao gồm lao động
Z_f	=	Đầu vào cố định cho sản xuất nông nghiệp
W_n	=	Tiền công cho hoạt động phi nông nghiệp
H_n	=	Chất lượng của người lao động
Z_n	=	Biến khác tác động đến mức tiền công
V	=	Thu nhập ngoài lao động
U	=	Hàm lợi ích (hàm thoả dụng)
G	=	Hàm thu nhập từ nông nghiệp của hộ

Thông tin về mô hình ước lượng có thể tham khảo trong Mandalla (1983) về mô hình kinh tế lượng chuyển dịch (switching regression model). Thông qua việc giải bài toán tối ưu (1), ta có hàm tham gia thể

hiện sự tham gia của hộ nông nghiệp vào các hoạt động phi nông nghiệp thông qua mối quan hệ giữa tiền lương của khu vực phi nông nghiệp (w_n) và tiền lương bóng của thời gian (w_0).

$$i^*(H_n, Z_n, H_f, Z_h, T, V) \quad w_n(H_n, Z_n) - w_0(Z_f, H_f, p, Z_h, T, V) \quad (5)$$

Trong kinh tế, phương trình này có nghĩa rằng người lao động quyết định tham gia vào hoạt động phi nông nghiệp khi và chỉ khi thu nhập phi nông nghiệp biên ban đầu là cao hơn so với giá bóng của thời gian, do đó, ta có: $T_n > 0$ nếu $i^* > 0$ và $T_n = 0$ nếu $i^* \leq 0$.

Giá trị của i^* không quan sát được trực tiếp, tuy nhiên, ta có thể nhận biết dấu của nó. i^* có thể là dương hoặc không dương phụ thuộc vào mối tương quan giữa thu nhập biên của lao động phi nông nghiệp và/hoặc các biến khác mà có tác động đến thời gian lao động phi nông nghiệp với tiền công "bóng" hay chi phí cơ hội của lao động phi nông nghiệp. Nói cách khác, hàm tham gia vào hoạt động phi nông nghiệp là phụ thuộc cả vào hoạt động nông nghiệp và phi nông nghiệp, đặc tính của hộ, cá nhân người lao động chuyển dịch và của cộng đồng nơi hộ gia đình đang sinh sống

$$i^* = i^*(H_n, Z_n, H_f, Z_h, T, V, p) \quad (6)$$

Hàm này có thể được thể hiện dưới dạng hàm tuyến tính rút gọn dưới đây:

$$i^* = X\beta + e \quad (7)$$

trong đó i^* là biến phụ thuộc có giá trị của 0 (không chuyển dịch) và 1 (có chuyển dịch); X là các biến giải thích, β là véc tơ tham số và e là sai số

Trong đó:

P_{cd} : Là xác suất chuyển dịch lao động.
EDU: Trình độ học vấn của lao động
TUOI: Tuổi của lao động
TUOI2: Bình phương của biến TUOI
DATCLASS: Loại hộ phân theo mức độ đất nông nghiệp bình quân của một nhân khẩu
CTQGIA: Xã có được hưởng chương trình mục tiêu quốc gia hay không
DUONGOTO: Xã có đường ô tô đến trung tâm xã hay không
DUANHATANG: Xã có dự án xây dựng cơ sở hạ tầng hay không
CHOLIENXA: Xã có chợ liên xã hay không

3. Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn: Mô hình thực nghiệm

Mô hình hồi quy Probit được xây dựng để ước lượng phương trình (7) trên. Probit là một hàm phi tuyến cho phép xác định mức độ tác động của các yếu tố X_i tới xác suất xuất hiện của hiện tượng i khi X đã xảy ra. Trong mô hình tham gia hoạt động phi nông nghiệp, hàm Probit bao gồm vế trái là biến phụ thuộc có các giá trị 0 nếu lao động không chuyển dịch sang phi nông nghiệp và 1 nếu là lao động có chuyển dịch. Vế phải của phương trình gồm 3 nhóm biến số khác nhau:

$P = f$ (đặc điểm cá nhân người lao động, đặc điểm hộ gia đình của người lao động, đặc điểm của cộng đồng hay địa phương)

Đối với mô hình trong giai đoạn 2004-2006, chúng tôi đã chọn lựa và đưa vào các biến cụ thể như sau, sau khi đã loại trừ các biến không phù hợp có độ tin cậy thống kê thấp:

$$P_{cd} = \alpha_1 + \alpha_2 * EDU + \alpha_3 * TUOI + \alpha_4 * TUOI2 + \alpha_5 * DATCLASS + \alpha_6 * CTQGIA + \alpha_7 * DUONGOTO + \alpha_8 * DUANHATANG + \alpha_9 * CHOLIENXA + \alpha_{10} * NONF_RATIO_04 + \alpha_{11} * NON_FOOD_RATIO_04 + \alpha_{12} * THUN_HAPBQ_THANG + \alpha_{13} * VUNG1 + \alpha_{14} * VUNG2 + \alpha_{15} * VUNG3 + \alpha_{16} * VUNG4 + \alpha_{17} * VUNG5 + \alpha_{18} * VUNG6 + e$$

NONF_RATIO_04: Tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp trên tổng thu nhập của hộ
NON_FOOD_RATIO_04: Tỷ lệ chi tiêu phi lương thực thực phẩm trên tổng thu nhập của hộ năm 2004
THUNHAPBQ_THANG: Thu nhập bình quân/người/tháng của hộ
VUNG1: Hộ nằm trong vùng núi phía Bắc
VUNG2: Hộ nằm trong vùng Đồng bằng sông Hồng
VUNG3: Hộ nằm trong vùng Bắc Trung bộ
VUNG4: Hộ nằm trong vùng Nam Trung bộ
VUNG5: Hộ nằm trong vùng Tây Nguyên
VUNG6: Hộ nằm trong vùng Đông Nam Bộ
ϵ : Sai số của mô hình (hay nhiễu)

Để nghiên cứu về chuyển dịch cơ cấu lao động theo nghĩa ở trên, nguồn số liệu phù hợp nhất hiện nay là bộ số liệu từ Điều tra mức sống dân cư do Tổng cục Thống kê thực hiện. Số liệu các cuộc điều tra 2001/2002, 2004, 2006 sẽ được sử dụng trong mô hình thực nghiệm của nghiên cứu này. Ở khía cạnh phân tích chuyển dịch cơ cấu lao động của hộ gia đình, điểm mạnh của bộ số liệu này thể hiện ở ba điểm: (1) có sự trùng lặp mẫu điều tra và vì vậy có thể phân tích chính xác về chuyển dịch cơ cấu lao động của hộ theo hai khoảng thời gian khác nhau; (2) có nhiều thông tin chi tiết đến cá nhân từng người lao động vì vậy có thể dùng để phân tích về đặc điểm cá nhân và ảnh hưởng tới việc chuyển dịch lao động của từng cá nhân hơn là của từng hộ gia đình; (3) có các thông tin về cộng đồng (xã, phường) nơi hộ gia đình, cá nhân được điều tra, vì vậy có thể giúp phân tích được các ảnh hưởng của đặc điểm cộng đồng trong việc quyết định chuyển dịch lao động của hộ và của từng cá nhân. Ngoài ra do phiếu hỏi xã/phường còn có cả thông tin về chương trình, dự án hỗ trợ phát triển phi nông nghiệp nên việc phân tích ảnh hưởng của các chính sách khuyến khích tạo việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao

động nông thôn cũng có thể được thực hiện thông qua việc so sánh giữa các cá nhân, hộ gia đình giữa các cộng đồng này với nhau. Ở nghiên cứu của Lê Xuân Bá và các cộng sự (2006), các tác giả đã phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn cho hai thời kỳ trong đó có thời kỳ 2001-2004. Ở nghiên cứu này kế thừa các kết quả của nghiên cứu trên của chính nhóm nghiên cứu, đồng thời xem xét kỹ lưỡng hơn đối với thời kỳ nghiên cứu 2004-2006 dựa trên bộ số liệu điều tra hộ gia đình 2004 và gần đây là 2006 nhằm tìm ra các yếu tố ảnh hưởng vẫn được duy trì cũng như những yếu tố mới nảy sinh do những điều kiện kinh tế xã hội mới xuất hiện. Quy mô mẫu của điều tra năm 2006 là trên 40.000 hộ, trong đó có khoảng 15.000 hộ trùng với điều tra của năm 2004. Chính việc phân tích hành vi của 15.000 hộ này sẽ đưa ra kết quả của quá trình chuyển dịch. Cùng với mô hình kinh tế lượng dựa trên các bộ số liệu này, nghiên cứu cũng sẽ phân tích thêm về mặt định tính những yếu tố ảnh hưởng đang hình thành và có thể xuất hiện trong tương lai ảnh hưởng đến quá trình chuyển dịch lao động nông thôn ở Việt Nam.

4. Kết quả mô hình và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn

Mô hình được ước lượng ở đây cho 5 kịch bản tương ứng với 5 loại hình chuyển dịch lao động: i) Nông nghiệp – phi nông nghiệp; ii) Nông nghiệp – công nghiệp; iii) Nông nghiệp - dịch vụ; iv) Nông nghiệp – làm thuê; v) Nông nghiệp - tự làm. Kết quả ước lượng của mô hình cho nhóm lao động này được thể hiện ở Bảng 1.

- Các yếu tố về đặc điểm cá nhân của người lao động: Trong nhóm yếu tố này các biến được chọn lọc trong mô hình bao gồm: trình độ học vấn (biểu hiện tương đối bằng số năm đi học của người lao động), tuổi của lao động và tuổi bình phương của người lao động.

Kết quả của ảnh hưởng của yếu tố trình độ học vấn của người lao động (biến edu) khá rõ nét đến chuyển dịch lao động. Các hệ số của biến số này đối với các kịch bản (KB) 1, 2 và 3 của 3 loại hình chuyển dịch đầu tiên đều dương và có ý nghĩa thống kê ở mức 5% và 10%. Nói một cách khác, trình độ giáo dục của người lao động nông nghiệp càng cao thì khả năng chuyển dịch sang các khu vực phi nông nghiệp, hay công nghiệp hay dịch vụ cao hơn so với người lao động có trình độ thấp hơn trong những năm gần đây. Hệ số này đối với loại hình chuyển dịch từ nông nghiệp sang các hình thức làm thuê hay tự làm là dương thể hiện cùng một xu hướng trên nhưng các hệ số này có độ tin cậy thống kê không cao. Nói một cách khác, yếu tố trình độ giáo dục không thật sự quan trọng làm nâng cao khả năng chuyển dịch lao động ở hai loại hình chuyển dịch này. Giá trị tuyệt đối của hệ số của biến edu là cao hơn đối với loại hình chuyển dịch nông nghiệp – phi nông nghiệp (0.0576) và của nông nghiệp sang công nghiệp (0.0541) chứng tỏ yếu tố giáo dục có tác động mạnh hơn cho các khả năng chuyển dịch này.

Tuổi của lao động cũng là yếu tố khá quan trọng trong quá trình dịch chuyển. Hệ số âm của biến này của các loại hình chuyển dịch nông nghiệp – phi nông nghiệp (-0.0038) và nông nghiệp - dịch vụ chứng tỏ rằng đối với các loại hình chuyển dịch này, khi tuổi của lao động càng cao thì khả năng chuyển dịch ngày càng thấp hơn. Tuy nhiên, kết quả cũng cho thấy đối với các loại hình chuyển dịch khác, dường như lại có xu hướng ngược lại, ít nhất ở những độ tuổi nhất định. Người lao động quá trẻ cũng có khó khăn trong quá trình chuyển dịch. Điều đó có lẽ là do một số doanh nghiệp phi nông nghiệp hoặc trong một số hình thái chuyển dịch, yếu tố kinh nghiệm có đóng một vai trò nhất định. Tuy nhiên, đến một độ tuổi nào đó, nếu người lao động có độ tuổi cao hơn thì khả năng chuyển dịch lại thấp đi. Điều này được thể hiện trong mô hình bằng các hệ số âm của biến tuổi bình phương (biến tuoi2) với ý nghĩa thống kê ở mức 5% đối với loại hình chuyển dịch từ nông nghiệp sang công nghiệp và từ nông nghiệp sang hình thức tự làm (Xem Bảng 3).

- Nhóm biến số về đặc tính của hộ gia đình của người lao động: Trong nhóm yếu tố này các biến được chọn lọc trong mô hình bao gồm: Datclass (diện tích đất nông nghiệp bình quân trên nhân khẩu của hộ), nonf_ratio_04 (Tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp trên tổng thu nhập của hộ), non_food_ratio_04 (Tỷ lệ chi tiêu phi lương thực - thực phẩm trên tổng thu nhập của hộ) và thunhapbq_thang (Thu nhập bình quân/tháng/nhân khẩu của hộ)

Kết quả ở Bảng 1 cho thấy khi diện tích đất nông nghiệp bình quân nhân khẩu cao hơn thì xác suất chuyển dịch lao động sang các ngành nghề phi nông nghiệp và ngành dịch vụ tăng lên (với các hệ số tương ứng 0.0372 và 0.0935; có ý nghĩa thống kê ở mức 1%), trong khi đó ở các kịch bản còn lại như khả năng chuyển dịch sang công nghiệp,

sang loại hình làm thuê và tự làm đều giảm xuống. Tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp trên tổng thu nhập có ảnh hưởng cũng khá khác nhau ở các kịch bản khác nhau: Tỷ lệ này dường như có xu hướng làm giảm khả năng chuyển dịch đối với việc dịch chuyển lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp, sang công nghiệp và sang dịch vụ. Trong khi đó, nó lại làm tăng khả năng lao động chuyển dịch sang các hình thức làm thuê phi nông nghiệp hay tự làm (với các hệ số tương ứng là 0.2844 và 0.5946). Biến số này có ý nghĩa thống kê khá cao trong mô hình với các mức 1% và 5% ở tất cả các kịch bản ước lượng. Điều đó nói lên rằng ở hình thức làm thuê phi nông nghiệp và tự làm, người lao động khi chuyển từ nông nghiệp sang có phần yên tâm hơn với công việc, trong khi đó tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp cao hơn chưa hẳn là yếu tố thúc đẩy người lao động rời bỏ khu vực nông nghiệp để sang khu vực công nghiệp và dịch vụ. Ngược lại, tỷ lệ chi tiêu phi lương thực thực phẩm trên tổng thu nhập gần như có tác động khá cùng chiều trong tất cả các kịch bản của các hình thái chuyển dịch. Tỷ lệ này hầu hết đều làm tăng khả năng chuyển dịch lao động sang các khu vực khác tương ứng. Điều này cũng khá dễ hiểu do tỷ lệ chi tiêu này phản ánh xu hướng tiêu dùng tách khỏi việc “tự cấp tự túc” của hộ và vì vậy là yếu tố thúc đẩy lao động chuyển sang các hoạt động phi nông nghiệp. Thu nhập bình quân/người/tháng nhìn chung là yếu tố ít ảnh hưởng đến khả năng chuyển dịch lao động từ kết quả ước lượng của mô hình.

- Nhóm biến số về cộng đồng mà gia đình đó đang sinh sống: Trong nhóm yếu tố này các biến được chọn lọc trong mô hình bao gồm: CTQGia (xã mà hộ đang cư trú có được hưởng chương trình mục tiêu quốc gia hay không), duongoto (xã có đường ô tô đến trung tâm xã hay không) và duanhatang (xã có dự án hạ tầng cơ sở hay không) và biến cholienxa (xã có chợ liên xã nằm trong địa

bàn hay không). Ngoài ra là các biến giả đại diện cho vùng địa lý của địa phương.

Kết quả mô hình cho thấy việc xã có được hưởng lợi ích từ các chương trình mục tiêu quốc gia luôn luôn là yếu tố thúc đẩy chuyển dịch lao động theo hướng từ nông nghiệp sang các ngành nghề phi nông nghiệp khác. Tất cả các hệ số dương của mô hình trong cả 5 kịch bản chuyển dịch đã nói lên điều này. Trong khi đó, mức độ ảnh hưởng và chiều hướng ảnh hưởng của các biến đặc điểm của cộng đồng khác là khác nhau đối với các hình thức chuyển dịch khác nhau. Yếu tố “có đường ô tô đến trung tâm xã” có ảnh hưởng tích cực đến các loại hình chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp, sang công nghiệp và sang hình thức tự làm, nhưng ảnh hưởng này không thuận chiều đối với chuyển dịch sang khu vực dịch vụ hay sang hình thức làm thuê (hệ số có ý nghĩa ở mức 10%). Việc xã có dự án hạ tầng có ảnh hưởng không hoàn toàn rõ nét tới chuyển dịch lao động. Trong khi đó, chợ liên xã có mặt ở địa bàn xã có tác động tích cực tới tất cả các hình thức chuyển dịch lao động đang được xem xét, mặc dù mức độ ảnh hưởng của yếu tố này là khác nhau với các kịch bản khác nhau. Tác động của yếu tố này dường như lớn hơn ở các kịch bản chuyển dịch từ lao động nông nghiệp sang khu vực dịch vụ, sang hình thức làm thuê và tự làm (với các hệ số 0.0628, 0.0996 và 0.1975: hai hệ số sau có ý nghĩa thống kê ở mức 10% và 1% tương ứng).

Yếu tố vùng cũng có ảnh hưởng đến khả năng chuyển dịch: lao động ở vùng Bắc trung bộ và Nam trung bộ có khả năng dịch chuyển lao động thấp hơn so với các vùng khác. Điều đó không hẳn do con người của vùng này ít năng động hơn, mà ngược lại có thể do điều kiện chuyển dịch như về mức độ phát triển công nghiệp, sự phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn v.v... kém hơn ở các vùng khác.

Bảng 1: Kết quả mô hình chung về chuyển dịch lao động từ khu vực nông nghiệp sang các khu vực ngành nghề khác.

Biến số	Loại hình chuyển dịch lao động (5 kịch bản)				
	Nông nghiệp - Phi nông nghiệp (KB1)	Nông nghiệp - Công nghiệp (KB2)	Nông nghiệp - dịch vụ (KB3)	Nông nghiệp - làm thuê (KB4)	Nông nghiệp - tự làm (KB5)
edu	0,0576**	0,0541*	0,0499*	0,0425	0,0498
tuoi	-0,0038	0,0123	-0,0122	0,0074	0,0187*
tuoi2	0	-0,0002**	0,0001	-0,0002	-0,0003**
datclass	0,0372	-0,0338	0,0935***	-0,017	-0,0621
CTQGia	0,0451	0,2929***	0,005	0,1019	0,4909***
duongoto	0,0027	0,1595	-0,0472	-0,3758*	0,2797
duanhatang	0,0095	-0,0173	0,0145	-0,0271	-0,0214
choliexa	0,0506	0,041	0,0628	0,0996*	0,1975***
nonf_ratio_04	-0,5626***	-0,4627***	-0,3965***	0,2844**	0,5946***
non_food_ratio_04	0,2734	0,3346	-0,3117	2,8710***	1,5118*
thunhapbq_thang	0	-0,0002**	0	0,0001	0,0001
vung1	0,0251	0,0459	0,0657	0,0342	-0,2969**
vung2	0,0058	0,0424	-0,0167	0,3983***	0,0369
vung3	-0,2246**	-0,1042	-0,2335**	0,0465	-0,0989
vung4	-0,1062	-0,1156	-0,0191	0,1185	-0,1608
vung5	0,1232	0,0363	0,2108*	-0,0033	-0,1117
vung6	0,0771	0,2695**	0,0532	0,3507***	0,2008
_cons	-0,7772***	-1,8450***	-0,7381***	-1,7662***	-3,3280***
N	4084	4084	4084	4084	4084

Nguồn: Ước lượng của nhóm tác giả.

IV. Kết luận.

Có thể nói rằng có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp, nông thôn. Theo các tiêu chí khác nhau, các nhân tố ảnh hưởng này cũng được phân loại khác nhau. Ở bài viết này, chúng tôi khảo sát chủ yếu từ góc độ là các nhân tố tác động đến bản thân người lao động nông nghiệp ở nông thôn. Những động

lực thúc đẩy (hoặc lực cản) của chuyển dịch lao động này được khảo sát ở khía cạnh thống kê và từ đó phản ánh thành những yếu tố chung ảnh hưởng đến quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động. Nói một cách khác, cơ cấu lao động nông thôn chuyển dịch chính là hệ quả từ việc chuyển dịch lao động của từng cá nhân ở khu vực nông thôn.

Do đặc điểm số liệu thống kê nói chung và số liệu về các cuộc điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam nói riêng là mới chỉ phản ánh các xu hướng và thông tin của quá khứ. Điều đó có nghĩa là, ngay cả khi tất cả các ước lượng được thực hiện một cách "tốt nhất có thể" thì kết quả đó mới chỉ phản ánh được các yếu tố ảnh hưởng đến chuyển dịch của người lao động nông thôn trong quá khứ. Các yếu tố có thể xảy ra trong tương lai hoàn toàn chưa được tính đến. Tuy nhiên, một khó khăn thực tế là những yếu tố có thể xuất hiện ở tương lai thì chỉ có thể dự đoán hoặc căn cứ trên một số chính sách đang và sẽ còn tác dụng trong tương lai mà thôi.

Mặt khác, ngay cả đối với các yếu tố tác động trong quá khứ, số lượng các nhân tố và mức độ ảnh hưởng tới chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp nông thôn cũng rất phức tạp. Mục tiêu của nghiên cứu này không quá tham vọng mà chỉ cố gắng phát hiện, chất lọc những nhân tố có thể có ảnh hưởng lớn nhất tới quá trình này bằng cách ước lượng mô hình Probit về xác suất chuyển dịch lao động nông nghiệp. Trên cơ sở nhận thức những ưu điểm và khiếm khuyết của các ước lượng mô hình về khả năng chuyển dịch lao động nông nghiệp, nông thôn như trên, chúng ta có thể thấy rằng một số yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chuyển dịch này bao gồm: i) Trình độ học vấn của người lao động nông nghiệp; ii) Tuổi của lao động; iii) Sự có mặt của các chương trình mục tiêu quốc gia về xoá đói giảm nghèo và sự phát triển của cơ sở hạ tầng nông thôn; iv) Tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp trên tổng thu nhập; v) Tỷ lệ chi tiêu cho các hàng hoá và dịch vụ phi nông nghiệp của hộ trên tổng thu nhập; và vi) Yếu tố vùng. Mức độ tác động của các yếu tố này là khác nhau đối với các hình thức chuyển dịch khác nhau. Nhìn chung, trình độ học vấn của lao động càng cao thì khả năng chuyển dịch sang các ngành nghề phi nông nghiệp (bao gồm cả công nghiệp, dịch vụ, làm thuê, tự làm v.v...) là cao hơn. Tuy nhiên, yếu tố này mạnh hơn theo nghĩa thống kê ở các hình thức chuyển dịch từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp, sang công nghiệp nhiều hơn sang dịch vụ, sang

công việc làm thuê và tự làm. Tuổi của lao động cũng là một yếu tố đáng kể ảnh hưởng đến khả năng chuyển dịch lao động. Tuổi của lao động càng cao thì khả năng chuyển dịch lao động thấp hơn. Tuy vậy, đối với những lao động quá trẻ thì khả năng chuyển dịch không hẳn đã cao. Nói một cách khác yếu tố kinh nghiệm làm việc cũng có ý nghĩa trong quá trình chuyển dịch ngành nghề lao động. Sự có mặt của các chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương cũng như yếu tố về cơ sở hạ tầng của xã như có đường ô tô đến trung tâm xã hay không hay có chợ liên xã tại địa bàn hay không có ảnh hưởng khá tích cực đến quá trình chuyển dịch lao động, đặc biệt là đối với các hình thái chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp, sang công nghiệp và sang hình thức tự làm. Các yếu tố về tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp và tỷ lệ chi tiêu phi nông nghiệp trong hộ có tác động mạnh hơn đối với loại hình chuyển dịch từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp, sang công nghiệp và sang dịch vụ hơn là sang các hình thức làm thuê và tự làm. Theo kết quả mô hình, yếu tố vùng cũng có ảnh hưởng đến khả năng chuyển dịch của lao động. Các vùng có khả năng chuyển dịch lao động mạnh hơn là vùng núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu long. Trong khi đó, khả năng chuyển dịch lao động ở các vùng miền Trung (Bắc trung bộ và Nam trung bộ) thấp hơn tương đối. Điều đó không hẳn do con người của các vùng này ít năng động hơn, mà ngược lại có thể do điều kiện chuyển dịch như về mức độ phát triển công nghiệp, sự phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn v.v... kém hơn ở các vùng khác.

Một yếu tố không kém phần quan trọng là sự phát triển của bản thân các ngành phi nông nghiệp như công nghiệp và dịch vụ ở khu vực đô thị. Yếu tố này có ảnh hưởng rất mạnh mẽ và là lực hút, là "thị trường" của lao động nông thôn. Nếu sự phát triển của khu vực phi nông nghiệp không bền vững thì chuyển dịch lao động nông nghiệp, nông thôn cũng không bền vững. Ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính và khủng hoảng kinh tế toàn cầu hiện nay chính là một ví dụ rất

rõ nét của vấn đề này. Hiện nay, do khó khăn về thị trường sản phẩm (kể cả xuất khẩu và thị trường trong nước), các doanh nghiệp đều buộc phải thu hẹp sản xuất và tinh giản lực lượng lao động để tiết kiệm chi phí. Các công nhân mới vào làm việc, tay nghề thấp xuất phát từ khu vực nông thôn ra các khu công nghiệp và dịch vụ ở khu vực thành thị là những người đầu tiên ở trong diện "tinh giản" này. Họ phải nghỉ một phần thời gian hoặc nghỉ hẳn công việc của mình. Họ không còn lựa chọn nào khác là trở lại vùng quê hương nông thôn và đó là một sức ép rất lớn lên vùng nông thôn ở Việt Nam hiện nay, nơi mà đất nông nghiệp bình quân đã xuống mức khá thấp.

Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu hiện nay đang diễn ra trên toàn thế giới. Việt Nam không phải là ngoại lệ trong bối cảnh hiện nay, mặc dù nhiều chuyên gia kinh tế cho rằng thị trường tài chính Việt Nam chưa thật sự "hội nhập" sâu sắc vào thị trường tài chính thế giới và vì vậy ảnh hưởng có thể không quá lớn. Tuy nhiên, ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính đến Việt Nam không hề nhỏ ít nhất do các thị trường xuất khẩu của Việt Nam rơi vào khủng hoảng, trong khi nền kinh tế của Việt Nam là "hướng tới xuất khẩu". Việc làm cho người lao động vì vậy sẽ ngày càng trở nên căng thẳng ít nhất trong 2 - 3 năm tới đây. Vì vậy, có thể nói rằng ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính và kinh tế thế giới hiện nay cũng sẽ có tác động rất lớn đến chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam, cụ thể là làm chậm quá trình này trong những năm tới đây. Sau khi nền kinh tế thế giới và nền kinh tế Việt Nam được phục hồi, nhu cầu về việc làm sẽ tăng lên đáng kể. Vì vậy, có lẽ khoảng thời gian từ 2012-2013 trở đi, câu về lao động cũng sẽ

từng bước tăng lên và đến năm 2020, cơ cấu lao động nông nghiệp, nông thôn Việt Nam sẽ có bước chuyển dịch với tốc độ mạnh mẽ hơn. Tuy nhiên, có lẽ một điều quan trọng cần lưu ý rằng bản thân độ lớn của con số về cơ cấu lao động nông thôn sẽ hình thành ở năm 2020 chưa hẳn là quan trọng. Điều quan trọng hơn là quá trình chuyển dịch này cần phải diễn ra một cách bền vững và tuân theo các qui luật kinh tế hơn là các biện pháp hành chính.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Các yếu tố tác động đến quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn Việt Nam, TS Lê Xuân Bá và các cộng sự, chương trình nghiên cứu thuộc Dự án MISPA - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Hà Nội, 2006 (đang hoàn thiện).
- Các cơ sở dữ liệu về Điều tra mức sống dân cư các năm 1998, 2001, 2004, 2006 (Tổng cục Thống kê)
- Lopez, R.E.(1986), *Structural Models of the Farm Household that Allow for Interdependent Utility and Profit Maximization Decision*, World Bank Publication, Washington D.C
- Madalla, G.S.(1983), *Limited Dependent and Quantitative Variables in Econometrics*, Cambridge, Mass. Cambridge University Press.
- Sadoulet, E and A.de Janvry (1995), *Quantitative Development Policy Analysis*, the Johns Hopkins University Press.
- Singh, I., L.Squire and J.Strauss(1986), *Agricultural Household Models. Extensions Applications, and Policy*, The Johns Hopkins University Press, Baltimore and London.